



Ngày nhận bài: 29/4/2026; Ngày thẩm định: 21/5/2026; Ngày duyệt đăng: 29/6/2026.

# KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG VỤ CHÁY PHỤC VỤ ĐIỀU TRA TỘI PHẠM: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

Đại tá, TS NGUYỄN QUANG HUY

Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, Học viện Cảnh sát nhân dân

\*Tác giả liên hệ: Nguyễn Quang Huy (Email: chinht38@gmail.com)

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích cơ sở pháp lý, lý luận và thực trạng công tác khám nghiệm hiện trường vụ cháy phục vụ điều tra tội phạm. Trên cơ sở làm rõ đặc thù hiện trường cháy là hệ thống dấu vết bị biến đổi mạnh, bài viết chỉ ra những hạn chế trong bảo vệ hiện trường, nhận diện dấu vết, thu mẫu, bảo quản vật chứng, tài liệu hóa và phối hợp lực lượng. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao giá trị chứng cứ của kết quả khám nghiệm hiện trường vụ cháy trong tố tụng hình sự.

**Từ khóa:** khám nghiệm hiện trường, vụ cháy, kỹ thuật hình sự.

**Abstract:** This article analyzes the legal basis, theoretical framework, and current state of fire scene investigation in criminal investigations. By clarifying the distinctive nature of fire scenes as systems of traces that are subject to substantial alteration, the article identifies several limitations in scene protection, trace recognition, sample collection, evidence preservation, documentation, and inter-agency coordination. From this, the article proposes several solutions to enhance the evidentiary value of fire scene investigation results in criminal proceedings.

**Keywords:** scene examination, fire case, forensic techniques.

1. Tình hình cháy, nổ ở nước ta thời gian gần đây tiếp tục diễn biến phức tạp, gây thiệt hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, tài sản và đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với hoạt động điều tra, xử lý theo pháp luật. Theo số liệu công khai của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH), năm 2024 toàn quốc xảy ra 4.112 vụ cháy, làm 100 người chết, 89 người bị thương, thiệt hại tài sản sơ bộ khoảng 657,45 tỷ đồng và 637,08 ha rừng; trong số 2.503 vụ đã điều tra làm rõ nguyên nhân, có 1.873 vụ do sự cố hệ thống, thiết bị điện, chiếm 74,83%. Đáng chú ý, cháy tại nhà dân, nhà ở kết hợp kinh doanh chiếm 41,58% tổng số vụ cháy, phản ánh tính phức tạp của loại hình hiện trường cháy trong không gian dân cư, kinh doanh và sinh hoạt đan xen.

Đối với các vụ cháy có dấu hiệu bất thường, gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng phát sinh trách nhiệm hình sự, yêu cầu điều tra không chỉ là xác định nguyên nhân cháy theo nghĩa kỹ thuật, mà còn phải làm rõ cơ chế phát sinh, diễn biến, hậu quả, mối quan hệ nhân quả và yếu tố lỗi của các chủ thể có liên quan. Một vụ cháy có thể bắt nguồn từ sự cố khách quan, sơ suất trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy, hành vi phóng hỏa hoặc thủ đoạn che giấu tội phạm khác. Chính vì vậy, dấu vết tại hiện trường phải được khai thác không chỉ để xác định nguyên nhân cháy, mà còn để phân biệt sự cố, vi phạm quy định an toàn, hành vi cố ý gây cháy hoặc dựng hiện trường.

Trong chuỗi hoạt động điều tra đó, khám nghiệm hiện trường vụ cháy giữ vai trò đặc biệt quan

trọng. Hiện trường vụ cháy là nơi tập trung các dấu vết vật chất phản ánh điểm khởi cháy, hướng lan truyền cháy, tác động của nhiệt, khói, chất cháy, thiết bị điện, chất tăng cháy và các yếu tố có thể liên quan đến hành vi phạm tội. Chất lượng phát hiện, ghi nhận, thu lượm, bảo quản và đánh giá dấu vết tại hiện trường ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả giám định, định hướng điều tra và giá trị chứng minh của chứng cứ trong tố tụng hình sự.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy công tác khám nghiệm hiện trường vụ cháy vẫn còn những khó khăn, bất cập, nhất là trong bảo vệ hiện trường sau chữa cháy, xác định điểm khởi cháy, nhận diện dấu vết điện, chất tăng cháy, thu mẫu vật đúng yêu cầu giám định, phối hợp giữa các lực lượng và chuyển hóa kết quả khám nghiệm thành chứng cứ. Từ thực tiễn đó, bài viết tập trung phân tích cơ sở pháp lý, lý luận, thực trạng công tác khám nghiệm hiện trường vụ cháy phục vụ điều tra tội phạm, qua đó chỉ ra những vấn đề đặt ra hiện nay và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này.

**2. Khám nghiệm hiện trường vụ cháy trước hết là hoạt động điều tra được tiến hành trong khuôn khổ tố tụng hình sự.** Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định khám nghiệm hiện trường là biện pháp nhằm phát hiện, ghi nhận, thu thập dấu vết, tài liệu, đồ vật có liên quan đến vụ án. Đối với các vụ cháy có dấu hiệu tội phạm, hoạt động khám nghiệm còn gắn với yêu cầu xác định vật chứng, bảo quản vật chứng, trưng cầu giám định, thu thập dữ liệu điện tử, tài liệu quản lý, vận hành công trình, thiết bị và hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Như vậy, cơ sở tố tụng của khám nghiệm hiện trường vụ cháy không chỉ nằm ở việc ghi nhận tình trạng hiện trường, mà còn ở khả năng tạo lập nguồn chứng cứ phục vụ kiểm tra, đánh giá trong các giai đoạn tiếp theo của quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Về pháp luật hình sự, Điều 313 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy; Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 313, trong đó nhấn mạnh yêu cầu xác định hành vi vi phạm, hậu quả và quan hệ nhân quả giữa vi phạm với

thiệt hại xảy ra. Bên cạnh đó, Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 tạo nền tảng pháp lý mới cho hoạt động PCCC&CNCH và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Đặc biệt, Thông tư số 109/2025/TT-BCA của Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm, quan hệ phối hợp, quy trình xác minh, giải quyết vụ cháy trong Công an nhân dân là căn cứ quan trọng để tổ chức hoạt động phối hợp giữa Cơ quan điều tra, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH, Kỹ thuật hình sự và các lực lượng khác trong quá trình giải quyết vụ cháy.

Về lý luận kỹ thuật hình sự, hiện trường vụ cháy là loại hiện trường đặc biệt phức tạp. Dấu vết tại hiện trường không tồn tại trong trạng thái tĩnh, mà bị tác động liên tục bởi nhiệt độ cao, khói, muội than, nước hoặc bột chữa cháy, sự sụp đổ công trình, hoạt động cứu nạn, chữa cháy và sự tiếp cận của nhiều lực lượng. Tuy nhiên, chính trong sự biến đổi đó vẫn tồn tại hệ thống dấu vết có giá trị nhận định, như dấu vết cháy xém, than hóa, ám khói, bong tróc, phồng rộp, nóng chảy, biến dạng vật liệu, dấu vết điện, dấu vết chất tăng cháy, trạng thái cửa, khóa, lõi thoát nạn, thiết bị điện và vật liệu cháy.

Giá trị kỹ thuật hình sự của hiện trường cháy không nằm riêng ở từng dấu vết đơn lẻ, mà ở mối quan hệ không gian – thời gian giữa điểm khởi cháy, hướng lan truyền cháy, nguồn nhiệt, vật liệu cháy, điều kiện thông gió và tác động sau cháy. Việc “đọc” hiện trường cháy đòi hỏi cán bộ khám nghiệm phải đối chiếu vùng cháy thấp, vùng cháy cao, hướng ám khói, mức độ than hóa theo lớp, biến dạng vật liệu, trạng thái thiết bị điện, vị trí nguồn nhiệt và điều kiện thông gió để suy luận điểm khởi cháy, hướng lan truyền và cơ chế hình thành dấu vết. Do đó, khám nghiệm hiện trường vụ cháy không dừng ở việc xác định nguyên nhân kỹ thuật của đám cháy, mà còn có ý nghĩa phát hiện vật chứng, nhận diện dấu hiệu phóng hỏa, che giấu tội phạm hoặc vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy; đồng thời định hướng giám định đối với mẫu vật cháy, dấu vết điện, chất lỏng dễ cháy, thiết bị điện, vật liệu xây dựng, dữ liệu điện tử và thiệt hại tài sản.

3. Trong các vụ cháy có dấu hiệu hình sự, hoạt động khám nghiệm hiện trường ngày càng được đặt trong mối liên hệ với giám định và chứng minh tội phạm. Sự tham gia của Điều tra viên, cán bộ kỹ thuật hình sự, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH, giám định viên và các lực lượng chuyên môn khác tạo điều kiện để nhận diện, thu lượm và đánh giá dấu vết cháy đầy đủ hơn, nhất là trong các vụ cháy phức tạp. Kết quả khám nghiệm hiện trường trong nhiều vụ cháy đã góp phần xác định điểm xuất phát cháy, nguyên nhân cháy, hướng lan truyền cháy, mức độ thiệt hại, đồng thời cung cấp căn cứ để xem xét dấu hiệu phóng hỏa, che giấu tội phạm hoặc vi phạm quy định về PCCC.

Số liệu công khai về tình hình cháy, nổ cho thấy áp lực đặt ra đối với hoạt động khám nghiệm hiện trường vụ cháy ngày càng lớn. Năm 2023, toàn quốc xảy ra 3.440 vụ cháy, làm 146 người chết, 109 người bị thương, thiệt hại tài sản sơ bộ khoảng 878 tỷ đồng và 236 ha rừng; trong số 2.294 vụ đã điều tra làm rõ nguyên nhân, có 1.345 vụ do sự cố hệ thống, thiết bị điện, chiếm 58,6%. Năm 2024, số vụ cháy tăng lên 4.112 vụ; sự cố hệ thống, thiết bị điện tiếp tục là nhóm nguyên nhân nổi bật trong các vụ đã làm rõ nguyên nhân, chiếm 74,83%. Những số liệu này cho thấy việc xác định điểm khởi cháy, dấu vết điện, điều kiện lan truyền cháy, trạng thái thiết bị và vật liệu cháy phải trở thành trọng tâm của khám nghiệm hiện trường vụ cháy. Đặc biệt, tỷ lệ nguyên nhân điện ở mức cao làm cho việc phân biệt dấu vết điện là nguyên nhân gây cháy với dấu vết điện hình thành do đám cháy tác động trở thành yêu cầu then chốt.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác khám nghiệm hiện trường vụ cháy vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập. Trước hết, bảo vệ hiện trường sau chữa cháy là khâu có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng khám nghiệm nhưng thường gặp nhiều trở ngại. Hiện trường vụ cháy hầu như luôn trải qua quá trình tác động mạnh trước khi được khám nghiệm đầy đủ. Việc phá cửa, phá tường, di chuyển tài sản, đưa nạn nhân ra ngoài, phun nước, cắt điện, dập tàn lửa hoặc tháo dỡ một phần kết cấu là cần thiết để cứu người, cứu tài sản và ngăn cháy lan, nhưng đồng thời có thể làm thay đổi vị trí, trạng thái, quan hệ ban đầu

giữa dấu vết và vật chứng. Nếu không ghi nhận đầy đủ các tác động này, cán bộ khám nghiệm khó phân biệt dấu vết nguyên phát hình thành do cháy với dấu vết thứ phát phát sinh do chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc di chuyển sau cháy. Từ góc độ kỹ thuật hình sự, hạn chế này xuất phát từ việc chuyển tiếp từ “hiện trường chữa cháy” sang “hiện trường tố tụng” chưa phải lúc nào cũng được thực hiện như quá trình bảo toàn thông tin dấu vết.

Thứ hai, việc xác định điểm khởi cháy còn là thách thức nghiệp vụ đáng kể. Khu vực cháy mạnh nhất hoặc nơi thiệt hại nặng nhất không phải lúc nào cũng là điểm xuất phát cháy. Đám cháy có thể lan truyền theo hướng thông gió, theo vật liệu dễ cháy, theo không gian rộng, cầu thang, trần giả, hệ thống kỹ thuật hoặc do sụp đổ công trình làm thay đổi tương quan dấu vết. Đặc biệt, với loại hình nhà dân, nhà ở kết hợp kinh doanh, hiện trường thường có không gian hẹp, nhiều vật liệu cháy, hệ thống điện sinh hoạt – kinh doanh đan xen, lối thoát nạn hạn chế và đồ vật bố trí phức tạp. Nếu cán bộ khám nghiệm chỉ dựa vào vùng cháy nặng, vùng than hóa sâu hoặc vị trí thiệt hại lớn nhất mà không phân tích đồng bộ vùng cháy thấp nhất, hướng ám khói, độ cao vết cháy, lớp cháy trên tường, trần, nền, trạng thái vật liệu, nguồn nhiệt gần nhất, vật liệu cháy đầu tiên và điều kiện thông gió thì có thể xác định sai điểm khởi cháy. Sai lệch này kéo theo nguy cơ thu sai mẫu, đặt sai câu hỏi giám định, nhận định sai nguyên nhân cháy và ảnh hưởng trực tiếp đến việc chứng minh trách nhiệm pháp lý.

Thứ ba, việc nhận diện dấu vết điện và dấu vết chất tăng cháy vẫn còn những hạn chế nhất định. Dấu vết điện sau cháy thường phức tạp, dễ bị nhầm lẫn giữa dấu vết điện là nguyên nhân gây cháy với dấu vết điện hình thành do đám cháy tác động ngược trở lại. Vết nóng chảy, vết hồ quang, đứt dây, chập mạch, biến dạng kim loại hoặc cháy vỏ cách điện không tự động chứng minh nguyên nhân cháy, mà phải được xem xét trong tương quan với vị trí dây dẫn trong vùng khởi cháy, trạng thái cấp điện, tải tiêu thụ, thiết bị bảo vệ, hướng lan truyền cháy và kết quả giám định. Tương tự, đối với chất tăng cháy, các dấu hiệu như cháy loang bất thường, cháy thấp trên nền, mùi

xăng dầu, vật chứa chất lỏng dễ cháy, mẫu tro nghi nhiễm chất cháy cần được phát hiện kịp thời, nhất là ở vùng cháy thấp, khe nứt nền, vật liệu thấm hút hoặc vị trí có biểu hiện cháy không phù hợp với nguồn cháy thông thường. Hạn chế trong nhận diện hai nhóm dấu vết này có thể làm giảm khả năng phân biệt cháy do sự cố, cháy do vi phạm quy định an toàn, phóng hỏa hoặc dụng cụ hiện trường.

Thứ tư, công tác thu mẫu, bảo quản vật chứng cháy trong một số trường hợp chưa thật sự đáp ứng đầy đủ yêu cầu giám định. Đối với hiện trường cháy, giá trị của mẫu vật phụ thuộc rất lớn vào vị trí thu, lớp thu, trạng thái thu, mẫu so sánh, mẫu đối chứng và cách đóng gói, niêm phong. Nếu mẫu tro, than, vật liệu cháy, dây dẫn, thiết bị điện hoặc mẫu nghi có chất lỏng dễ cháy được thu không đúng vùng trọng tâm, không có mẫu đối chứng, không mô tả rõ vị trí, độ sâu, trạng thái ẩm, mức độ nhiễm nước chữa cháy hoặc bảo quản trong vật chứa không phù hợp, kết quả giám định có thể bị hạn chế. Đối với mẫu nghi chất lỏng dễ bay hơi, việc bảo quản không kín có thể làm mất thành phần cần phân tích; đối với thiết bị điện, việc tháo dỡ trước khi chụp ảnh, ghi nhận nguyên trạng có thể làm mất mối quan hệ giữa dấu vết và vị trí hình thành. Hạn chế cốt lõi ở đây là hoạt động thu mẫu đôi khi chưa gắn chặt với giả thuyết điều tra và câu hỏi giám định ngay từ hiện trường.

Thứ năm, tài liệu hóa hiện trường vụ cháy có lúc chưa phản ánh đầy đủ đặc điểm kỹ thuật của dấu vết. Biên bản khám nghiệm, ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường và bảng kê vật chứng là căn cứ quan trọng để tái hiện trạng thái hiện trường sau khi hoạt động khám nghiệm kết thúc. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc mô tả còn thiên về ghi nhận hậu quả chung như: “cháy rụi”, “cháy đen”, “hu hòng nặng”, mà chưa mô tả sâu các đặc điểm có ý nghĩa kỹ thuật hình sự như hướng ám khói, chiều cao vết cháy, mức độ than hóa, vùng cháy xuyên thủng, bong tróc, phòng rộp, nóng chảy, biến dạng thiết bị điện, trạng thái cửa, khóa, lối thoát nạn, vị trí vật liệu dễ cháy hoặc quan hệ giữa các vùng cần so sánh. Nếu biên bản, ảnh, sơ đồ, số hiệu mẫu vật và niêm phong không liên kết chặt chẽ, việc kiểm tra lại nguồn gốc, vị trí,

trạng thái của vật chứng khi đối chiếu với kết luận giám định sẽ gặp khó khăn.

Cuối cùng, sự phối hợp giữa Điều tra viên, cán bộ kỹ thuật hình sự, lực lượng PCCC&CNCH, giám định viên và Kiểm sát viên tuy đã được quan tâm nhưng vẫn cần tiếp tục chuẩn hóa. Nếu các chủ thể này chưa trao đổi đầy đủ ngay từ đầu, hoạt động khám nghiệm có thể bị phân mảnh: hiện trường được ghi nhận theo một hướng, mẫu vật được thu theo hướng khác, câu hỏi giám định lại chưa phản ánh đúng vấn đề cần chứng minh. Từ góc độ nghiệp vụ kỹ thuật hình sự, yêu cầu đặt ra không chỉ là có nhiều lực lượng cùng tham gia, mà là phối hợp theo chuỗi chứng cứ, bảo đảm mọi hoạt động tại hiện trường đều hướng tới làm rõ nguyên nhân cháy, dấu hiệu tội phạm, mối quan hệ nhân quả và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể liên quan.

4. Từ thực trạng nêu trên, có thể thấy những khó khăn trong khám nghiệm hiện trường vụ cháy không chỉ là hạn chế của từng thao tác riêng lẻ, mà phản ánh những vấn đề có tính hệ thống trong nhận thức, tổ chức, phương pháp và khai thác giá trị chứng cứ của hiện trường cháy.

Trước hết, cần nhận thức đúng hiện trường vụ cháy như một hệ thống dấu vết bị biến đổi mạnh. Khác với nhiều loại hiện trường hình sự còn giữ được tương đối nguyên trạng sau khi hành vi phạm tội kết thúc, hiện trường cháy tiếp tục biến đổi trong suốt quá trình cháy, chữa cháy và sau cháy. Do đó, cán bộ khám nghiệm không thể tiếp cận hiện trường cháy như một không gian tĩnh, mà phải đọc dấu vết trong quan hệ giữa quá trình phát sinh, phát triển, lan truyền và dập tắt đám cháy. Vấn đề cốt lõi không chỉ là phát hiện “có dấu vết gì”, mà là lý giải dấu vết đó hình thành ở giai đoạn nào, do tác động của cháy, do hoạt động chữa cháy hay do sự can thiệp khác của con người. Đây là điều kiện để tránh nhầm lẫn giữa dấu vết nguyên nhân, dấu vết hậu quả và dấu vết phát sinh thứ cấp.

Thứ hai, cần bảo đảm sự chuyển tiếp chặt chẽ từ hiện trường chữa cháy sang hiện trường tố tụng. Khi vụ cháy xảy ra, ưu tiên đầu tiên là cứu người, cứu tài sản, khống chế cháy lan và bảo đảm an toàn. Tuy nhiên, sau khi đám cháy được kiểm soát, không gian đó phải nhanh chóng được chuyển hóa thành hiện

trường cần bảo vệ, khám nghiệm và xử lý theo yêu cầu tố tụng nếu có căn cứ. Sự chuyển tiếp này không thể chỉ là bàn giao về mặt hình thức, mà phải bao gồm việc chuyển giao thông tin nghiệp vụ về diễn biến chữa cháy, vị trí can thiệp, khu vực bị xáo trộn, nơi phát hiện nạn nhân, tài sản và các thay đổi lớn trước khi khám nghiệm. Nếu thiếu thông tin chuyển tiếp, cán bộ khám nghiệm khó tái dựng trạng thái tương đối ban đầu của hiện trường và dễ đánh giá sai ý nghĩa dấu vết.

Thứ ba, công tác khám nghiệm hiện trường vụ cháy hiện nay đòi hỏi nâng cao năng lực nhận diện, thu lượm và bảo quản dấu vết chuyên sâu. Hiện trường cháy không chỉ có dấu vết cháy, mà còn có thể chứa dấu vết điện, chất tăng cháy, dấu vết cơ học, dấu vết sinh học, dữ liệu điện tử và vật chứng liên quan đến điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy. Trong đó, dấu vết điện và chất tăng cháy có ý nghĩa đặc biệt đối với việc phân biệt cháy do sự cố, do vi phạm quy định an toàn, do phóng hỏa hoặc do hành vi che giấu tội phạm. Vì vậy, vấn đề đặt ra không chỉ là bổ sung phương tiện kỹ thuật, mà còn là chuẩn hóa tư duy thu mẫu theo vùng nghi vấn, theo lớp, theo quan hệ so sánh – đối chứng, gắn với giả thuyết về điểm khởi cháy và câu hỏi giám định.

Thứ tư, cần chuyên hóa kết quả khám nghiệm hiện trường thành chứng cứ phục vụ điều tra tội phạm. Khám nghiệm hiện trường không phải là hoạt động độc lập, khép kín, mà là khâu mở đầu của quá trình chứng minh. Trong điều tra vụ cháy có dấu hiệu hình sự, kết quả khám nghiệm cần phục vụ chuỗi chứng minh: điểm khởi cháy – nguồn nhiệt – vật liệu cháy đầu tiên – hướng lan truyền – điều kiện làm cháy lan – hậu quả – hành vi, lỗi của chủ thể liên quan – quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả. Vì vậy, cần chuyển từ cách tiếp cận “khám nghiệm để ghi nhận hiện trường” sang “khám nghiệm để xây dựng căn cứ chứng minh”, trong đó mọi thao tác phát hiện, mô tả, thu lượm, niêm phong và trưng cầu giám định đều phải hướng đến yêu cầu làm rõ bản chất hình sự của vụ cháy.

**5. Giải pháp nâng cao hiệu quả khám nghiệm hiện trường vụ cháy phục vụ điều tra tội phạm gồm:**

*Một là*, chuẩn hóa tư duy khám nghiệm hiện trường vụ cháy theo hướng phục vụ chứng minh tội

phạm. Hoạt động khám nghiệm không nên bị thu hẹp vào việc tìm nguồn lửa, nguồn nhiệt hoặc khu vực cháy mạnh nhất, mà phải được xác định là khâu phát hiện, thu thập và đánh giá chứng cứ vật chất phục vụ làm rõ nguyên nhân cháy, cơ chế cháy, hậu quả, mối quan hệ nhân quả và trách nhiệm pháp lý. Để thực hiện yêu cầu này, cần tăng cường tập huấn chuyên đề về hiện trường cháy, xây dựng tình huống nghiệp vụ mẫu, hướng dẫn cán bộ xác lập giả thuyết điều tra ngay từ hiện trường và liên kết giả thuyết đó với việc lựa chọn mẫu vật, câu hỏi giám định, tài liệu cần thu thập. Đây là giải pháp nhằm khắc phục tình trạng khám nghiệm mới dừng ở ghi nhận hậu quả cháy mà chưa khai thác đầy đủ giá trị chứng cứ của hiện trường.

*Hai là*, chuẩn hóa cơ chế bảo vệ và bàn giao hiện trường sau chữa cháy. Yêu cầu cứu người, dập lửa, ngăn cháy lan luôn phải được ưu tiên, nhưng ngay sau khi đám cháy được kiểm soát, hiện trường cần được khoanh vùng, bảo vệ và chuyển giao theo yêu cầu tố tụng. Việc bàn giao phải ghi nhận các thông tin kỹ thuật cơ bản: vị trí phát hiện cháy ban đầu, hướng lan truyền chủ yếu, khu vực cháy mạnh, vị trí phá cửa hoặc phá tường, nơi phát hiện và di chuyển nạn nhân, tài sản, nơi cắt điện, khu vực chịu tác động mạnh của nước hoặc bọt chữa cháy. Đồng thời, cần xác lập vùng bảo vệ theo lớp, gồm vùng nghi điểm khởi cháy, vùng cháy lan, vùng chứa vật chứng, vùng có thiết bị điện, nguồn nhiệt hoặc vật liệu dễ cháy. Cách làm này giúp hạn chế mất dấu vết và tạo cơ sở để phân biệt dấu vết do cháy với dấu vết do hoạt động chữa cháy, CNCH.

*Ba là*, nâng cao năng lực phát hiện, thu lượm và bảo quản dấu vết cháy, dấu vết điện, chất tăng cháy và dữ liệu điện tử. Đối với dấu vết cháy, cần chú ý hệ thống dấu vết phản ánh điểm khởi cháy và hướng lan truyền như mức độ than hóa, ám khói, bong tróc, phòng rộp, nóng chảy, biến dạng vật liệu, vùng cháy thấp, vùng cháy xuyên thủng hoặc dấu vết cháy theo hướng thông gió. Đối với dấu vết điện, cần ghi nhận nguyên trạng dây dẫn, ổ cắm, aptomat, cầu dao, thiết bị tiêu thụ điện, bộ sạc, pin, ắc quy, mối nối, vị trí nóng chảy hoặc nghi có hồ quang trước khi tháo dỡ, thu giữ. Đối với nghi vấn sử dụng chất tăng cháy, mẫu cần thu không chỉ ở vùng cháy mạnh mà còn ở vùng cháy thấp, khe nứt nền,

vật liệu thấm hút, nơi có mùi xăng dầu hoặc dầu vết loang bất thường; đồng thời phải có mẫu đối chứng ở khu vực không nghi vấn để phục vụ so sánh giám định. Đối với dữ liệu điện tử, cần ưu tiên bảo vệ camera, đầu ghi, điện thoại, máy tính, thiết bị IoT, hệ thống báo cháy, kiểm soát ra vào; tránh tự ý khởi động thiết bị đã bị cháy, ngâm nước hoặc hư hỏng.

*Bốn là*, nâng cao chất lượng biên bản, ảnh, sơ đồ và toàn bộ hoạt động tài liệu hóa hiện trường. Biên bản khám nghiệm cần chuyển từ mô tả hậu quả chung sang mô tả có giá trị phân tích: vị trí, kích thước, độ cao, hướng, mức độ cháy, màu sắc ám khói, trạng thái vật liệu, trạng thái cửa, khóa, thiết bị điện, đường lan truyền cháy và quan hệ giữa các vùng dấu vết. Ảnh hiện trường cần được chụp theo trình tự tổng thể, trung gian, cận cảnh; ảnh cận cảnh phải có thước tỷ lệ, ký hiệu vị trí và liên kết với sơ đồ. Sơ đồ hiện trường phải thể hiện rõ vùng cháy, lối tiếp cận, vị trí nạn nhân, vị trí thiết bị điện, vật liệu dễ cháy, mẫu vật thu giữ và hướng lan truyền dự kiến. Mỗi dấu vết, mẫu vật, ảnh cận cảnh và vị trí trên sơ đồ phải được liên kết bằng cùng một hệ thống số hiệu; nếu đứt gãy liên kết này, giá trị kiểm tra lại của chứng cứ sẽ giảm.

*Năm là*, tăng cường phối hợp giữa Điều tra viên, cán bộ kỹ thuật hình sự, lực lượng PCCC&CNCH, giám định viên và Kiểm sát viên theo hướng liên thông chứng cứ. Tại các hiện trường cháy nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu tội phạm, cần tổ chức hội ý nhanh tại hiện trường để thống nhất ba nội dung: vùng trọng tâm khám nghiệm, mẫu vật cần thu và câu hỏi giám định ban đầu. Điều tra viên cần xác định yêu cầu điều tra và giả thuyết ban đầu; cán bộ kỹ thuật hình sự tổ chức phát hiện, ghi nhận, thu lượm dấu vết; lực lượng PCCC&CNCH cung cấp thông tin về diễn biến cháy, hoạt động chữa cháy, hệ thống kỹ thuật an toàn cháy; giám định viên định hướng loại mẫu cần thu, cách bảo quản và câu hỏi giám định; Kiểm sát viên kiểm sát tính hợp pháp, đầy đủ của hoạt động tố tụng tại hiện trường. Như vậy, hoạt động khám nghiệm hiện trường vụ cháy mới không bị phân mảnh, mà trở thành quá trình thống nhất từ hiện trường đến giám định và chứng minh tội phạm.

Khám nghiệm hiện trường vụ cháy có vai trò đặc biệt quan trọng trong điều tra tội phạm, bởi đây là hoạt động trực tiếp phát hiện, ghi nhận, thu lượm và đánh giá các dấu vết, vật chứng phản ánh nguyên nhân cháy, cơ chế cháy, diễn biến cháy, hậu quả và dấu hiệu liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật. Đặc thù của hiện trường vụ cháy là hệ thống dấu vết bị biến đổi mạnh dưới tác động của nhiệt, khói, nước chữa cháy, sự sụp đổ công trình và hoạt động cứu nạn, chữa cháy. Vì vậy, nâng cao hiệu quả khám nghiệm hiện trường vụ cháy đòi hỏi phải đồng bộ từ bảo vệ, bàn giao hiện trường sau chữa cháy; phối hợp giữa các lực lượng; nhận diện dấu vết cháy, dấu vết điện, chất tăng cháy; thu mẫu, bảo quản vật chứng; tài liệu hóa hiện trường và chuyển hóa kết quả khám nghiệm thành chứng cứ. Chỉ khi kết quả khám nghiệm được liên kết chặt chẽ với giám định và hoạt động chứng minh, hiện trường vụ cháy mới được chuyển hóa đầy đủ thành nguồn chứng cứ có giá trị trong tố tụng hình sự. ■

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, ban hành ngày 27/11/2015*, Hà Nội.
2. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, ban hành ngày 27/11/2015; được sửa đổi, bổ sung năm 2017*, Hà Nội.
3. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2024), *Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐTP ngày 24/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 313 của Bộ luật Hình sự về tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy*; Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 18/6/2024 và hướng dẫn điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự, trong đó có yêu cầu về hành vi vi phạm, thiệt hại và quan hệ nhân quả, Hà Nội.
4. Quốc hội (2024), *Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15, ban hành ngày 29/11/2024, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025*, Hà Nội.
5. Bộ Công an (2025), *Thông tư số 109/2025/TT-BCA ngày 20/11/2025 quy định về phân công trách nhiệm, quan hệ phối hợp, quy trình xác minh, giải quyết vụ cháy trong Công an nhân dân, có hiệu lực từ ngày 15/01/2026*, Hà Nội.